

Bản án số: 21/2021/DS - ST
Ngày: 09 - 4 - 2021
V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Phương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Quang Huy và bà Đỗ Thị Thanh Xuân.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Tuấn Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1950;

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn T1, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Thị L là: Anh Vũ Thế H, sinh năm 1983; đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn T1, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/01/2021). Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Thúy N, sinh năm 1978;

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn H1, xã H, huyện P, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Đặng Văn B, sinh năm 1974; đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn H1, xã H, huyện P, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Ngô Thị L và người đại diện theo ủy quyền là anh Vũ Thế H trình bày:

Do có quan hệ quen biết với chị Lê Thị Thúy N nên năm 2013 bà Ngô Thị L đã cho chị Lê Thị Thúy N vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Việc vay nợ có viết giấy tờ ký nhận hai bên ngày 11/8/2013; thỏa thuận thời hạn vay khi nào cần đòi lại tiền cho vay thì bên cho vay báo trước cho bên vay, lãi suất cho vay

là 02%/tháng. Sau khi vay nợ, chị N trả lãi cho bà L được khoảng 06 tháng, sau đó do cần tiền nên bà L đã nhiều lần đến nhà đòi nợ nhưng chị N đều khát lần không trả. Vì vậy năm 2014 bà L đã làm đơn tố giác chị N đến Công an huyện P về việc chị N không trả tiền vay nợ và cho rằng chị N có hành vi chiếm đoạt tài sản; tại thông báo trả lời đơn số 143/CSĐT ngày 30/10/2014 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P có nội dung kết luận: việc vay tiền giữa chị N với bà L là tranh chấp dân sự, đồng thời thông báo, hướng dẫn bà L khởi kiện ra tại TAND huyện P.

Nay, bà L yêu cầu chị Lê Thị Thúy N phải trả số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2021, phía bị đơn chị Lê Thị Thúy N trình bày:

Năm 2013 chị vay của bà Ngô Thị L số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Việc vay nợ có viết giấy ký nhận hai bên ngày 11/8/2013. Các bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, khi nào bà L cần đòi lại tiền cho vay thì báo trước chị 01 tháng để chị thu xếp trả tiền bà L. Thời gian đầu chị trả lãi hàng tháng cho bà L, sau do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị không trả được lãi và gốc cho bà L. Việc chị vay nợ bà L là để sử dụng vào việc cá nhân của chị, không sử dụng vào chi tiêu, phát triển kinh tế gia đình, chồng chị anh Đặng Văn B không biết khoản vay nợ này, vì vậy đây là khoản nợ riêng của chị không liên quan gì đến B.

Chị xác nhận còn nợ bà L 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tiền gốc, tuy nhiên do kinh tế khó khăn nên chị xin trả dần bà L mỗi tháng 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn B trình bày:

Anh không biết vợ anh là chị N vay nợ tiền bà L cho đến khi Việc chị N vay nợ bà L không liên quan gì đến anh, anh B không biết khoản nợ này, chị N vay tiền là dùng vào việc cá nhân không sử dụng vào việc ăn tiêu gia đình hay phát triển kinh tế gia đình vì vậy đây là khoản nợ riêng của chị N với bà L.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và áp dụng các Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470, 351 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 184, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: buộc chị Lê Thị Thúy N phải trả cho bà Ngô Thị L số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Bà Ngô Thị L không yêu cầu chị N trả lãi suất nên không xét.

Ngoài ra đề nghị buộc chị Lê Thị Thúy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và Hợp đồng cho vay lãi cùng lời trình bày của bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; do bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn H1, xã H, huyện P, Thành phố Hà Nội, vì vậy TAND huyện P thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 149, 154 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của bị đơn chị Lê Thị Thúy N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn B: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng chị N, anh B vẫn vắng mặt, do vậy việc xét xử vắng mặt những người này là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của bà Ngô Thị L kiện đòi chị Lê Thị Thúy N trả 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tiền gốc. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà L là có căn cứ bởi lẽ:

Thứ nhất: về số tiền phải trả cho bà L các bên đều thống nhất số tiền gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Thứ hai: về người phải trả, nguyên đơn bà L yêu cầu chị N phải trả, bị đơn chị N chấp nhận mình chị N phải trả, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh B xác nhận mình không liên quan đến khoản nợ của chị N. Vì vậy nghĩa vụ trả nợ là của chị Lê Thị Thúy N.

Xét yêu cầu của nguyên đơn chỉ buộc phía bị đơn trả 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tiền gốc và không tính lãi là tự nguyện, có căn cứ và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; phía bị đơn chị Lê Thị Thúy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470, 351 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 184, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L, cụ thể:

Buộc chị Lê Thị Thúy N phải trả cho bà Ngô Thị L 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) tiền nợ gốc.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, ngoài khoản tiền phải trả nêu trên, người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 408 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Thúy N phải chịu 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Ngô Thị L 750.000 đồng (*bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại phiếu thu số AE/2010/0005973 ngày 02/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện P;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Lê Anh Phương